TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số:10/2018/ DS- ST
Ngày 20 – 7 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v " Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm
2. Ông Võ Duy Trinh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/ TLST – DS ngày 02 - 01 - 2018 về " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/ 2018/ QĐST- DS ngày 28/ 6/ 2018.

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị T –sinh năm 1970

Ông Mai N – sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Ngãi (bà T có mặt, ông N có đơn xin giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn:

Bà Lâm Thị L

Địa chỉ: thôn Thạch X, xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Ngãi (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn V

Địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Ngãi (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị T, ông Mai N trình bày: Xuất phát từ quan hệ quen biết nên vào ngày 10/ 02/ 2017, bà Lâm Thị L có vay của vợ chồng bà với số tiền 150.000.000 đồng để phục vụ việc kinh doanh của gia đình, với lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/ tháng, vay không xác định thời hạn, khi nào cần tiền báo trước thì bị đơn trả. Đến ngày 14/3/ 2017 vợ chồng bà cần tiền nên bà L trả được 20.000.000 đồng. Sau đó nghe tin vợ chồng bà L vỡ nợ thì vợ chồng bà đến đòi thì vợ chồng bà L trả tiếp được 20.000.000 đồng. Hiện vợ chồng ông V, bà L còn nợ vợ chồng bà 110.000.000 đồng. Nay vợ chồng nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông V, bà L phải trả số tiền nợ là 110.000.000 đông và không yêu cầu về lãi suất.

Bị đơn bà Lâm Thị L trình bày: Vào ngày 10/ 02/ 2017 vợ chồng bà có vay của vợ chồng nguyên đơn với số tiền 150.000.000 đồng, với lãi suất là 2% tháng với mục đích về cho người khác vay lại. Sau đó vợ chồng bà đã trả cho vợ chồng nguyên đơn được hai lần với số tiền 40.000.000 đồng. Vợ chồng bà thừa nhận còn nợ vợ chồng nguyên đơn số tiền 110.000.000 đồng. Nhưng hiện nay không có tiền nên chưa thể trả cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn V trình bày:

Vào ngày 10/ 02/ 2017 vợ chồng ông có vay của vợ chồng nguyên đơn với số tiền 150.000.000 đồng, với lãi suất là 02% tháng với mục đích về cho người khác vay lại. Sau đó vợ chồng bà đã trả cho vợ chồng nguyên đơn được hai lần với số tiền 40.000.000 đồng. Vợ chồng ông thừa nhận còn nợ vợ chồng nguyên đơn số tiền 110.000.000 đồng. Nhưng hiện nay không có tiền nên chưa thể trả cho nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật

Về hướng giải quyết: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 26 tháng 12 năm 2017 nguyên đơn là ông Mai N, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Lâm Thị L, ông Dương Văn V ở thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Ngãi trả nợ vay. Theo quy định tại khoản 3 điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử thấy rằng. Theo giấy mượn tiền thì vào ngày 10/2/2017 vợ chồng nguyên đơn có cho bị đơn vay 150.000.000 và không xác định thời hạn trả nợ, với lãi xuất hai bên thỏa thuận là 2%/ tháng . Vì vậy theo quy định tại khoản 2 điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn và có lãi. Bị đơn bà Lâm Thị L và người liên quan là anh Dương Văn V thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 110.000.000 đồng, nhưng do hiện kinh tế gặp khó khăn nên chưa có tiền trả. Bà Lâm Thị L vay về mục đích để phục vụ kinh doanh của gia đình, mặc khác ông V và bà L đang tồn tại quan hệ hôn nhân. Vì vậy cần buộc vợ chồng bà Lâm Thị L, ông Dương Văn V trả số tiền nợ gốc 110.000.000 đồng cho vợ chồng nguyên đơn.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên miễn xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 31/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì vợ chồng bà Lâm Thị L, ông Dương Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 110.000.000 đồng x 5%= 5.500.000 đồng (Năm triệu, năm trăm ngàn đồng).

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Mai N, bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Lâm Thị L, ông Dương Văn V cùng phải trả số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng cho ông Mai N, bà Nguyễn Thị T. Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên miễn xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thì hành án, nếu bên thi hành án không thi hành dứt điểm các khoản yêu cầu thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sụ năm 2015.

Về án phí: Ông Dương Văn V, bà Lâm Thị L phải chịu 5.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Mai N, bà Nguyễn Thị T 3.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2014/ 0003936 ngaøy 02 - 01 - 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ.

Bà Nguyễn Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Dương Văn V, bà Lâm Thị L, ông Mai N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Kha